

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty : Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Mã chứng khoán : DSP

Trụ sở chính : Số 15 đường số 2, CX Lữ Gia, phường 15, Quận 11, Tp.HCM

Điện thoại : : 02838 650 921 Fax: 02838 655 930

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quốc Anh

Địa chỉ: Số 15 đường số 2, CX Lữ Gia, phường 15, Quận 11, Tp.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng) :0903823456

Fax: 0838 655 930

**Loại thông in công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)**

Nội dung thông tin công bố : Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2017 đã được kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/08/2017 tại đường dẫn : <http://www.phuthotourist.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Như trên

- Lưu

Đính kèm : báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-33

3111
CHI
CÔNG
ẢNH
IN 4-7

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn số 4104000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 07 năm 2006. Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 01 năm 2013. Từ ngày 17 tháng 05 năm 2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Anh	Thành viên
Ông Trần Anh Vương	Thành viên
Ông Nguyễn Đông Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hồ Thị Ngọc Như	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thanh Hồng	Thành viên
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Song Trọng Chinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dư Hữu Danh	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

05-06
HÀNG
TY TNHH
KIỂM TOÁN
AASC
P. HỒ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

S-C.P
H
H
TOÁN
HÍ MINH

Số: 339 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được lập tại ngày 10 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

- Theo thông tin trình bày tại thuyết minh số 29 Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả nội dung liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng thuê tài chính trong giai đoạn trước khi cổ phần mà Công ty có thể liên đới chịu trách nhiệm.

- Tại thuyết minh số 30 Bản thuyết minh báo cáo tài chính, đang mô tả các nội dung liên quan đến việc số liệu tại ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần chưa được quyết toán cổ phần hóa, do đó một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính tại ngày 16/05/2016 có thể có thay đổi khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 34 – Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được với số liệu kỳ này.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2013-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

1110
II NI
NG T
G KI
AA
-TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		517.728.742.478	891.171.665.992
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.213.039.953	11.183.069.825
111	1. Tiền		22.213.039.953	6.983.069.825
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	467.760.000.000	821.408.088.730
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	42.347.095.125
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		467.760.000.000	779.060.993.605
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.746.497.920	52.709.283.200
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	900.025.385	595.632.501
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.699.721.989	1.561.225.591
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	16.146.750.546	50.552.425.108
140	IV. Hàng tồn kho	9	3.715.330.685	4.283.874.094
141	1. Hàng tồn kho		3.715.330.685	4.283.874.094
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.293.873.920	1.587.350.143
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.293.873.920	1.587.350.143
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.021.387.498.097	603.230.758.344
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.350.656.948	5.850.656.948
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	240.000.000	240.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	12.150.656.948	12.650.656.948
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(7.040.000.000)	(7.040.000.000)
220	II. Tài sản cố định		186.117.056.302	188.533.127.829
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	186.006.373.954	188.381.002.131
222	- Nguyên giá		447.537.769.810	424.745.289.516
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(261.531.395.856)	(236.364.287.385)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	110.682.348	152.125.698
228	- Nguyên giá		29.530.636.215	29.530.636.215
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.419.953.867)	(29.378.510.517)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		8.728.087.290	9.489.967.010
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	8.728.087.290	9.489.967.010
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	705.113.017.683	274.443.017.683
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		253.277.125.000	253.277.125.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		21.165.892.683	21.165.892.683
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		430.670.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		116.078.679.874	124.913.988.874
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	116.078.679.874	124.913.988.874
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.539.116.240.575	1.494.402.424.336

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		242.221.649.552	233.021.401.280
310	I. Nợ ngắn hạn		241.594.761.552	231.744.321.280
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	10.164.204.967	11.945.128.105
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	37.163.542.842	14.664.257.434
314	3. Phải trả người lao động		4.202.976.527	7.065.284.591
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		615.040.615	507.877.869
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	188.963.586.723	197.561.773.281
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		485.409.878	-
330	II. Nợ dài hạn		626.888.000	1.277.080.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	626.888.000	1.277.080.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.296.894.591.023	1.261.381.023.056
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	1.296.894.591.023	1.261.381.023.056
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.686.924.280	69.686.924.280
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.367.666.743	4.854.098.776
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.368.688.898	-
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		35.998.977.845	4.854.098.776
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.539.116.240.575	1.494.402.424.336

Trương Thị Kim Phụng

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thị Nguyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Anh

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	200.143.019.265	178.517.664.094
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		200.143.019.265	178.517.664.094
11	4. Giá vốn hàng bán	19	169.612.598.678	190.274.989.237
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.530.420.587	(11.757.325.143)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	35.680.015.699	50.349.433.715
22	7. Chi phí tài chính	21	86.359.455	584.900.650
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.932.458	574.600.000
24	8. Chi phí bán hàng	22	7.915.172.936	5.540.789.218
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	14.743.512.074	25.922.006.451
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.465.391.821	6.544.412.253
31	11. Thu nhập khác		776.766.769	2.283.212.963
32	12. Chi phí khác		553.847.906	3.973.526.440
40	13. Lợi nhuận khác		222.918.863	(1.690.313.477)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.688.310.684	4.854.098.776
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	7.689.332.839	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		35.998.977.845	4.854.098.776
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	303	41


Trương Thị Kim Phụng
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 17/05/2016
			đến 30/06/2017	đến 31/12/2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.688.310.684	4.854.098.776
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		25.208.551.821	27.575.736.380
03	- Các khoản dự phòng			7.040.000.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.918)	(51.211)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(34.196.249.361)	(49.014.775.084)
06	- Chi phí lãi vay		8.932.458	574.600.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.709.540.684	(8.970.391.139)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.018.945.507)	1.838.417.297
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		568.543.409	(661.945.408)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		19.318.120.207	(27.020.804.447)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.128.785.223	14.041.539.808
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.932.458)	(574.600.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.292.614.652)	(3.633.741.151)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(1.681.848.320)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		83.751.592.031	(69.010.468.485)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.030.600.574)	(23.102.018.652)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			951.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.071.765.000.000)	(105.035.496.106)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		952.395.993.605	128.952.766.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		68.677.980.148	7.874.800.411
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(72.721.626.821)	9.641.869.835
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		8.396.185.413	38.200.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(8.396.185.413)	(38.200.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(11.017.538.896)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(11.017.538.896)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		11.029.965.210	(70.386.137.546)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		11.183.069.825	81.569.156.160
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.918	51.211
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	22.213.039.953	11.183.069.825


Trương Thị Kim Phụng

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Thị Nguyên

Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh

Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/05/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.186.840.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.186.840.000.000 đồng; tương đương 118.684.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn, lữ hành ...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế - nội địa;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa;
- Mua bán: hàng lưu niệm, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm, hàng dệt may, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hoa, cá kiểng, động vật (chim, cá sấu, trăn, rắn);
- Quảng cáo;
- Tổ chức liên hoan, hội chợ;
- Giữ rừng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các điểm kinh doanh sau:

Công viên Văn hóa Đầm Sen
Khu du lịch sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát
Khách sạn Phú Thọ
Khách sạn Ngọc Lan
Trung tâm chăm sóc sức khỏe và giải trí Đầm Sen
Nhà hàng Thủy Tạ Đầm Sen
Nhà hàng 79 - Đặc sản thiên nhiên Vàm Sát Cần Giuờ
Trung tâm dịch vụ du lịch Đầm Sen

Địa chỉ

Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh
Tp. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

Dịch vụ vui chơi, giải trí
Dịch vụ vui chơi, giải trí
Dịch vụ lưu trú, ăn uống
Dịch vụ lưu trú, ăn uống
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe
Dịch vụ ăn uống
Dịch vụ ăn uống
Dịch vụ du lịch

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

16-C
VH
HH
TOÁN
CHÍ MINH

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Theo khoản 2, điều 6 của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 01 năm đến dưới 02 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 02 năm đến dưới 03 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 06 năm
- Chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng	05 năm
- Phần mềm quản lý	03-05 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong 10 năm theo quy định của Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về sử dụng dịch vụ phòng massage, vé trọn gói, doanh thu bảo vệ rừng

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

5-0
HÁ
Y TI
ỀM
ASC
HỒ

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

76-C
NH
HH
TOÁN
CHỈ M

2.16 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	4.009.133.500	3.009.982.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.195.479.453	3.962.618.625
Tiền đang chuyển	8.427.000	10.469.200
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
	<u>22.213.039.953</u>	<u>11.183.069.825</u>

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	467.760.000.000	467.760.000.000	779.060.993.605	779.060.993.605
Tiền gửi có kỳ hạn	467.760.000.000	467.760.000.000	779.060.000.000	779.060.000.000
Các khoản đầu tư khác	-	-	993.605	993.605
Đầu tư dài hạn	430.670.000.000	430.670.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	430.670.000.000	430.670.000.000	-	-
	898.430.000.000	898.430.000.000	779.060.993.605	779.060.993.605

b) Chứng khoán kinh doanh ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	-	-	42.347.095.125	42.886.480.000
	-	-	42.347.095.125	42.886.480.000

Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư: Trong kỳ, Công ty bán 4.712.800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom thông qua giao dịch bán khớp lệnh trên sàn chứng khoán với tổng giá trị 43.829.856.900 VND, lãi thu được từ các giao dịch này là 1.482.761.775 VND (xem Thuyết minh 21).

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	253.277.125.000	-	253.277.125.000	-
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	253.277.125.000	-	253.277.125.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	21.165.892.683	-	21.165.892.683	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	17.002.690.096	-	17.002.690.096	-
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	4.163.202.587	-	4.163.202.587	-
	274.443.017.683	-	274.443.017.683	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Thành phố Hồ Chí Minh	33,54%	33,54%	Dịch vụ vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	13,67%	13,67%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	Tỉnh Quảng Trị	3,23%	3,23%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Cần Giờ	307.732.385	64.991.000
- Võ Trung Thiệp	240.000.000	240.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	592.293.000	530.641.501
	1.140.025.385	835.632.501
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	900.025.385	595.632.501
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	240.000.000	240.000.000
	1.140.025.385	835.632.501

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	<u>Giá trị</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá trị</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
Công ty TNHH Khu mua sắm đệ nhất Phan Khang	-	-	399.781.364	-
Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí OKULELE	-	-	225.218.599	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Tiền Phong	-	-	193.783.920	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Phú Việt	-	-	207.272.727	-
Công ty Cổ phần Ipos.VN	1.014.480.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Mạnh Hưng	834.926.976	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	850.315.013	-	535.168.981	-
	2.699.721.989	-	1.561.225.591	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức được chia	-	-	14.588.762.400	-
Phải thu về lãi tiền gửi	15.086.012.554	-	34.978.980.941	-
Phải thu về BHXH	272.350.800	-	259.536.800	-
Phải thu về BHYT	51.065.775	-	48.728.850	-
Phải thu về BHTN	34.043.850	-	32.442.100	-
Tạm ứng	371.582.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	118.095.000	-	-	-
Phải thu thuế TNCN của nhân viên	19.396.077	-	147.793.107	-
Phải thu tiền điện, nước	160.454.490	-	233.180.910	-
Phải thu khác	33.750.000	-	263.000.000	-
	<u>16.146.750.546</u>	<u>-</u>	<u>50.552.425.108</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	990.000.000	-	1.490.000.000	-
Văn phòng Luật sư An Thái	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
Phải thu của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen(*)	10.960.656.948	(6.600.000.000)	10.960.656.948	(6.600.000.000)
	<u>12.150.656.948</u>	<u>(6.800.000.000)</u>	<u>12.650.656.948</u>	<u>(6.800.000.000)</u>

(*) Chi tiết các khoản phải thu liên quan đến Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen như sau

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Cho Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt vay	6.600.000.000	6.600.000.000
- Chi phí lãi vay	1.432.135.066	1.432.135.066
- Các khoản trả hộ cho Công ty Kexim và siêu thị	2.032.385.490	2.032.385.490
- Khoản phải thu liên quan đến nhập vật tư	240.000.000	240.000.000
- Thuế GTGT trả hộ	615.227.301	615.227.301
- Các khoản khác	40.909.091	40.909.091
	<u>10.960.656.948</u>	<u>10.960.656.948</u>

Các khoản phải thu này phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen được thành lập theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng hiện nay đã ngưng hoạt động .

8 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
Văn phòng Luật sư An Thái	200.000.000	-	200.000.000	-
Ông Võ Trung Thiệp	240.000.000	-	240.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
	<u>7.040.000.000</u>	<u>-</u>	<u>7.040.000.000</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.386.193.498	-	2.919.215.119	-
Công cụ, dụng cụ	1.800.000	-	-	-
Hàng hoá	1.327.337.187	-	1.364.658.975	-
	<u>3.715.330.685</u>	<u>-</u>	<u>4.283.874.094</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các hạng mục thuộc Công Viên Đầm Sen	7.781.615.970	8.606.142.282
- Sửa chữa, cải tạo Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Vàm Sát	625.115.879	424.958.826
- Sửa chữa, cải tạo Khách sạn Ngọc Lan - Phú Thọ	321.355.441	458.865.902
	<u>8.728.087.290</u>	<u>9.489.967.010</u>

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	252.423.926.944	141.027.594.936	28.206.061.039	1.181.647.324	1.906.059.273	424.745.289.516
- Mua trong kỳ	7.362.700.000	5.117.626.740	-	41.520.000	-	12.521.846.740
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.344.450.403	1.891.410.424	34.772.727	-	-	10.270.633.554
Số dư cuối kỳ	268.131.077.347	148.036.632.100	28.240.833.766	1.223.167.324	1.906.059.273	447.537.769.810
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	119.534.627.071	98.966.362.180	16.587.896.533	939.108.914	336.292.687	236.364.287.385
- Khấu hao trong kỳ	13.223.543.547	9.980.857.684	1.758.988.943	55.423.197	148.295.100	25.167.108.471
Số dư cuối kỳ	132.758.170.618	108.947.219.864	18.346.885.476	994.532.111	484.587.787	261.531.395.856
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	132.889.299.873	42.061.232.756	11.618.164.506	242.538.410	1.569.766.586	188.381.002.131
Tại ngày cuối kỳ	135.372.906.729	39.089.412.236	9.893.948.290	228.635.213	1.421.471.486	186.006.373.954

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.714.752.086 VND

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chi phí đền bù, giải phóng mặt	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	27.524.748.727	2.005.887.488	29.530.636.215
Số dư cuối kỳ	<u>27.524.748.727</u>	<u>2.005.887.488</u>	<u>29.530.636.215</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	27.524.748.727	1.853.761.790	29.378.510.517
- Khấu hao trong kỳ	-	41.443.350	41.443.350
Số dư cuối kỳ	<u>27.524.748.727</u>	<u>1.895.205.140</u>	<u>29.419.953.867</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	152.125.698	152.125.698
Tại ngày cuối kỳ	-	<u>110.682.348</u>	<u>110.682.348</u>

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.313.976.215 VND

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	883.405.329	1.304.636.989
Chi phí sửa chữa	98.012.500	67.292.000
Chi phí tư vấn về xác định hồ sơ đất tại số 03 Hòa Bình, Quận 11	1.493.327.000	-
Chi phí thực hiện chương trình lễ hội	1.477.636.364	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	341.492.727	215.421.154
	<u>4.293.873.920</u>	<u>1.587.350.143</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	17.420.900.051	20.692.112.993
Chi phí lợi thế kinh doanh (*)	90.393.262.058	95.485.069.064
Sửa chữa lớn tài sản cố định	650.271.744	909.681.516
Chi phí Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	6.995.003.594	6.995.003.594
Chi phí trả trước dài hạn khác	619.242.427	832.121.707
	<u>116.078.679.874</u>	<u>124.913.988.874</u>

(*) Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện xác định Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014. Giá trị này đã được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 6040/QĐ-UBND ngày 17/11/2015.

. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Thương mại Huỳnh Nguyễn Phùng	1.113.957.429	1.113.957.429	1.113.957.429	1.113.957.429
Anky International Limited Company	-	-	1.685.717.918	1.685.717.918
Phải trả các đối tượng khác	9.050.247.538	9.050.247.538	9.145.452.758	9.145.452.758
	10.164.204.967	10.164.204.967	11.945.128.105	11.945.128.105

. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	661.961.186	11.240.752.105	9.289.392.667	-	-	2.613.320.624	-	-	-	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	151.048.789	951.359.844	950.612.992	-	-	151.795.641	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	14.704.837.203	7.689.332.839	18.292.614.652	-	-	4.101.555.390	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	(854.399.664)	497.581.368	170.018.649	-	-	(526.836.945)	-	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	809.920	5.377.920	5.232.000	-	-	955.840	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	30.822.752.292	-	-	-	30.822.752.292	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.554.100	1.554.100	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	14.664.257.434	51.208.710.468	28.709.425.060	-	-	37.163.542.842	-	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	206.537.900	193.781.000
- Phải trả tiền đặt cọc	1.402.686.200	1.426.543.500
- Lợi nhuận phải trả cho Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	146.816.064.707	146.816.064.707
- Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt ^(*)	29.080.056.313	29.080.056.313
- Giá trị bảo hành của các hợp đồng xây dựng	1.080.763.218	1.146.514.808
- Phải trả người lao động phí phục vụ	2.973.075.239	3.566.265.704
- Phải trả người lao động tiền khen thưởng, phúc lợi	5.685.247.873	13.461.440.668
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.719.155.273	1.871.106.581
	188.963.586.723	197.561.773.281
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	626.888.000	1.277.080.000
	626.888.000	1.277.080.000

(*) Chi tiết các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	27.809.090.884	27.809.090.884
- Doanh thu kinh doanh trung tâm Bowling Đầm Sen	1.170.965.429	1.170.965.429
- Lãi vay phải trả	100.000.000	100.000.000
	29.080.056.313	29.080.056.313

Các khoản phải trả này phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen được thành lập theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng hiện nay đã ngưng hoạt động.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu ngày 17/05/2016	1.186.840.000.000	69.686.924.280	-	1.256.526.924.280
Lãi trong kỳ trước	-	-	4.854.098.776	4.854.098.776
Số dư cuối ngày 31/12/2016	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>69.686.924.280</u>	<u>4.854.098.776</u>	<u>1.261.381.023.056</u>
Số dư đầu năm	1.186.840.000.000	69.686.924.280	4.854.098.776	1.261.381.023.056
Lãi trong kỳ này	-	-	35.998.977.845	35.998.977.845
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(485.409.878)	(485.409.878)
Số dư cuối kỳ này	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>69.686.924.280</u>	<u>40.367.666.743</u>	<u>1.296.894.591.023</u>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 21/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm đầu tiên kể từ khi chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (từ 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016) như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	4.854.098.776
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00	485.409.878
Lợi nhuận chưa phân phối	90,00	4.368.688.898

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn - Công ty TNHH MTV	49,00	581.551.600.000	49,00	581.551.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	29,06	344.894.250.000	28,98	343.892.770.000
Các cổ đông khác	21,94	260.394.150.000	22,02	261.395.630.000
	<u>100</u>	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>100</u>	<u>1.186.840.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

d) Cổ phiếu	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	118.684.000	118.684.000
- Cổ phiếu phổ thông	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.684.000	118.684.000
- Cổ phiếu phổ thông	118.684.000	118.684.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		
18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.835.048.797	2.548.495.745
Doanh thu cung cấp dịch vụ	197.307.970.468	175.969.168.349
	200.143.019.265	178.517.664.094
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	117.128.000	438.215.419
19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	1.486.617.173	1.340.231.014
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	168.125.981.505	188.934.758.223
	169.612.598.678	190.274.989.237
20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	28.522.841.761	35.759.940.555
Chiết khấu thanh toán	987.626	-
Lãi bán các khoản chứng khoán kinh doanh	1.482.761.775	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.673.407.600	14.588.762.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	16.937	679.549
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	51.211
	35.680.015.699	50.349.433.715

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.932.458	574.600.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	12.019	506.076
Chi phí tài chính khác	77.414.978	9.794.574
	86.359.455	584.900.650

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.805.428	50.645.820
Chi phí nhân công	568.434.550	696.525.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.995.159	64.122.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.396.246	68.305.783
Chi phí khác bằng tiền	7.118.541.553	4.661.189.641
	7.915.172.936	5.540.789.218

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.898.175	198.704.132
Chi phí nhân công	5.086.862.976	7.419.143.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	312.129.588	419.093.814
Chi phí dự phòng	-	7.040.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	263.559.187	329.203.924
Chi phí khác bằng tiền	8.999.062.148	10.515.861.392
	14.743.512.074	25.922.006.451

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.688.310.684	4.854.098.776
Các khoản điều chỉnh tăng	431.761.110	1.431.879.211
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.673.407.600)	(14.588.762.400)
Thu nhập tính thuế TNDN	38.446.664.194	(8.302.784.413)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.689.332.839	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	14.704.837.203	18.338.578.354
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(18.292.614.652)	(3.633.741.151)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	4.101.555.390	14.704.837.203

06-C
NH
NH
TOÁN
CHÍ M

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	35.998.977.845	4.854.098.776
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	35.998.977.845	4.854.098.776
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	118.684.000	118.684.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	303	41

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.620.518.479	34.285.298.212
Chi phí nhân công	38.547.011.476	44.014.128.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.208.551.821	27.575.736.380
Chi phí dự phòng	-	7.040.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.799.125.426	30.592.564.163
Chi phí khác bằng tiền	62.609.459.313	71.795.035.881
	190.784.666.515	215.302.763.604

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.213.039.953	-	11.183.069.825	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.437.432.879	(7.040.000.000)	64.038.714.557	(7.040.000.000)
Các khoản cho vay	898.430.000.000	-	779.060.993.605	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	42.347.095.125	-
Đầu tư dài hạn	21.165.892.683	-	21.165.892.683	-
	971.246.365.515	(7.040.000.000)	917.795.765.795	(7.040.000.000)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	199.754.679.690	210.783.981.386
	199.754.679.690	210.783.981.386

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Đầu tư dài hạn	-	-	21.165.892.683	21.165.892.683
	-	-	21.165.892.683	21.165.892.683
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	42.347.095.125	-	-	42.347.095.125
Đầu tư dài hạn	-	-	21.165.892.683	21.165.892.683
	42.347.095.125	-	21.165.892.683	63.512.987.808

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.213.039.953	-	-	22.213.039.953
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.046.775.931	5.350.656.948	-	22.397.432.879
Các khoản cho vay	467.760.000.000	430.670.000.000	-	898.430.000.000
	<u>507.019.815.884</u>	<u>436.020.656.948</u>	<u>-</u>	<u>943.040.472.832</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.183.069.825	-	-	11.183.069.825
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.148.057.609	5.850.656.948	-	56.998.714.557
Các khoản cho vay	779.060.993.605	-	-	779.060.993.605
	<u>841.392.121.039</u>	<u>5.850.656.948</u>	<u>-</u>	<u>847.242.777.987</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	199.127.791.690	626.888.000	-	199.754.679.690
	<u>199.127.791.690</u>	<u>626.888.000</u>	<u>-</u>	<u>199.754.679.690</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	209.506.901.386	1.277.080.000	-	210.783.981.386
	<u>209.506.901.386</u>	<u>1.277.080.000</u>	<u>-</u>	<u>210.783.981.386</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016</u>
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	8.396.185.413	38.200.000.000

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016</u>
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	8.396.185.413	38.200.000.000

29 . NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 01/06/1997, Công ty ký hợp đồng hợp tác liên doanh số 07/HD97 với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt để thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen. Trong quá trình thực hiện, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt có ký hợp đồng thuê tài sản từ một công ty cho thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV. Kexim Việt Nam (tên cũ Công ty cho thuê tài chính Kexim Việt Nam).

Trong năm 1999, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt và Công ty Kexim Việt Nam xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng cho thuê tài chính. Theo bản án số 1113/2009/KDTM-ST ngày 08/05/2009, Tòa án Nhân dân tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính trên. Sau đó Công ty đã nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12/01/2010, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm lần thứ 2, ra tuyên bố hủy bản án số 1113/2009/KDTM-ST ngày 08/05/2009 và giao cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung. Vụ án được Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lần thứ 3 vào ngày 13/12/2013. Theo đó, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành bản án số 1457/2013/KDTM-ST quyết định Công ty có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam số tiền 2.022.082,725 USD trừ đi 127.772.000 VND do Công ty đã trả trước và nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước tiền cho thuê mặt bằng tòa nhà Bowling Đầm Sen (tầng trệt) số tiền 200.000.000 VND/tháng.

Ngày 06/01/2014 Công ty tiếp tục nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 30/09/2014 Tòa án Nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án để chờ kết quả định giá tài sản tranh chấp của Công ty Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam và Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại này khi lý do tạm đình chỉ bị hủy.

Đến thời điểm 30/06/2017, do chưa có kết quả định giá tài sản tranh chấp nên Tòa án Nhân dân Tối cao chưa có phán quyết cuối cùng. Vì vậy, các nghĩa vụ nêu trên (hoàn trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam số tiền 2.022.082,725 USD - 127.772.000 VND và nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước tiền cho thuê mặt bằng tòa nhà Bowling Đầm Sen (tầng trệt) số tiền 200.000.000 VND/tháng) chưa được Công ty phản ánh vào báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan vấn đề này sẽ được Công ty ghi nhận đầy đủ vào sổ kế toán và phản ánh đầy đủ vào báo cáo tài chính khi có bản án chính thức từ Tòa án Nhân dân Tối cao.

30 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 30/11/2015, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 1.186.840.000.000 VND tương ứng 118.684.000 cổ phần theo Quyết định số 6321/QĐ-UBND. Từ ngày 17 tháng 05 năm 2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

106-C
NH
HH
TOÁN
CHÍNH

Ngày 05/05/2016, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh gửi Thông báo số 5155/TB-CT cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ về việc xác định lại Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2015 của khu đất có diện tích 318.636 m² tại số 03 Hòa Bình, phường 3, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh. Theo đó, Đơn giá mới được xác định như sau

- Từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2010 đơn giá thuê đất được xác định là 60.000 đồng/ m²;
- Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2014 đơn giá thuê đất được xác định là 178.200 đồng/ m²;
- Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2015 đơn giá thuê đất là 225.720 đồng/ m² (đối với 107.431,4 m² đất kinh doanh làm khu vui chơi giải trí) và 166.320 đồng/m² (đối với 211.204,6 m² đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh).

Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa thống nhất được diện tích sử dụng, đơn giá thuê đất cũng như Công ty chưa nhận được thông báo tiền thuê đất chính thức của Chi cục thuế Quận 11. Mặt khác, Công ty đã gửi các văn bản đến các cơ quan có chức năng nhằm đề xuất xem xét miễn, giảm và xác định lại đơn giá tiền thuê đất trong giai đoạn này. Vì vậy, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa xem xét nộp, hạch toán bổ sung tiền thuê đất này, đồng thời, chưa xem xét ảnh hưởng của vấn đề này đến tiền thuế TNDN và phân phối lợi nhuận trong thời gian từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2015.

Đến thời điểm này, UBND Tp. Hồ Chí Minh chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, do đó, trong thời gian chờ ý kiến cuối cùng từ UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty tạm thời chưa kê khai và nộp toàn bộ tiền thuê đất nêu trên cũng như các nghĩa vụ phải nộp khác với Nhà nước có liên quan.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ vui chơi, giải trí	Nhà hàng - khách sạn	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	174.441.460.594	13.241.647.510	12.459.911.161	200.143.019.265
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.115.540.485	313.117.790	1.101.762.312	30.530.420.587
Tổng chi phí mua TSCĐ	20.330.060.648	1.485.019.926	215.520.000	22.030.600.574
Tài sản bộ phận trực tiếp	300.180.154.646	12.809.122.369	1.226.126.963.560	1.539.116.240.575
Tổng tài sản	300.180.154.646	12.809.122.369	1.226.126.963.560	1.539.116.240.575
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.753.551.036	402.680.021	240.065.418.495	242.221.649.552
Tổng nợ phải trả	1.753.551.036	402.680.021	240.065.418.495	242.221.649.552

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty diễn ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
		VND	VND
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết		
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ		117.128.000	438.215.419
+ Cổ tức được chia		5.673.407.600	14.588.762.400

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết	-	14.588.762.400
Phải trả khác			
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Công ty TNHH MTV	Cổ đông lớn	146.816.064.707	146.816.064.707

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.036.011.978	1.672.552.803

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Do Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần kể từ ngày 17/05/2016 nên số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016 và có thể không so sánh được với số liệu kỳ này

Trương Thị Kim Phụng

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thị Nguyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Anh

Tổng Giám đốc

